

Bản án số: **10/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 06 tháng 02 năm 2024
“*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã H Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Minh Nguyệt và ông Đào Huy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã S, Thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm: 2000 (*Có mặt*).

Bị đơn: Anh Phùng Mạnh H, sinh năm: 1994 (*Vắng mặt*);

Cùng ĐKKHKT: Thôn DD2, xã S, thị xã S, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Mạnh H kết hôn với nhau ngày 13/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã S, TP. Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình anh H tại thôn Đ2, xã S, thị xã S, TP. Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách. Tháng 6/2023 đến nay anh chị sống ly thân, cắt đứt quan hệ vợ

chồng. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phùng Bảo M, sinh ngày 25/10/2015 và cháu Phùng Bảo V, sinh ngày 29/10/2018. Nguyên vọng của chị N sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị N xác định không có.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho anh Phùng Mạnh H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án tại Tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh H tại xã S, thị xã S. Tại Biên bản xác minh ngày 05/01/2024, đại diện gia đình và chính quyền địa phương cho biết: Anh H hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D2, xã S, thị xã S, TP. Hà Nội. Anh H có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Kiều N, vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách. Hiện chị N đã ly thân, không còn chung sống với anh H tại địa phương. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu PH Bảo M, sinh ngày 25/10/2015 và cháu PH Bảo V, sinh ngày 29/10/2018, hiện các cháu đang ở với ông bà nội. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung của anh chị chính quyền địa phương không được biết. Đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, gia đình anh H đề nghị giao cháu M và cháu V cho gia đình tiếp tục nuôi dưỡng.

Tòa án cũng tiến hành lấy ý kiến của cháu M. Tại Bản tự khai ngày 12/10/2023, cháu M trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tuy nhiên anh H vắng mặt, chị N đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án:** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn với anh Phùng Mạnh H. Về con chung: Giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh PH M H. Anh Phùng Mạnh H có quyền thăm nom, chăm sóc con

chung sau khi ly hôn không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Đề nghị Tòa án không xem xét. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn. Xét thấy, anh PH M H là bị đơn có nơi cư trú tại xã S, thị xã S, thành phố Hà Nội. Như vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, hòa giải, ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn. Ngày 29/01/2024, Tòa án đã mở phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 06/02/2024. Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại Điều 172, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh PH M H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị N và anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm, chăm lo cuộc sống gia đình. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh H không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án tại Tòa án. Tài liệu Tòa án xác minh thu thập được thể hiện vợ chồng chị N và anh H có mâu thuẫn và từ giữa năm 2023 đến nay đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không đi lại thăm hỏi nhau, mỗi người phải tự lo cho cuộc sống của riêng mình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H lại không đến Tòa án để Tòa án tổ chức hòa giải, không đưa ra phương hướng giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều N với anh PH M H là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là cháu Phùng Bảo M, sinh ngày 25/10/2015 và cháu PH Bảo V, sinh ngày 29/10/2018.

Chị N trình bày có nguyện vọng sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung sau ly hôn. Anh H không trình bày quan điểm về vấn đề con chung tại Tòa án. Xét thấy nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên HĐXX giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đảm bảo việc sinh hoạt, học tập và sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, tâm lý, tình cảm với các con chung.

Do chị Nguyễn Thị Kiều N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phùng Mạnh H cho đến khi có yêu cầu mới. Sau khi ly hôn, anh PH M H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Kiều N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh PH M H không trình bày nên HĐXX không xem xét trong vụ án này;

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn với anh PH M H.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phùng Bảo M, sinh ngày 25/10/2015 và cháu Phùng Bảo V, sinh ngày 29/10/2018. Giao cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu PH M Bảo và PH Bảo V đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh PH M H được quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn việc trợ cấp nuôi con chung cho anh H đến khi chị N có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về công nợ chung, tài sản chung, công sức chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S ngày 13/12/2023 theo Biên lai số AA/2020/0056793. Chị N không phải nộp án phí nữa

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kiều N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh PH M H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân thị xã S được quyền kháng nghị theo quy định.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX S;
- Chi cục THADS TX S;
- UBND Nơi ĐKKH, ĐKKH.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường